

Số: 82 /2025/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ
Quy định về trạng thái vàng của các tổ chức tín dụng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về trạng thái vàng của các tổ chức tín dụng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về trạng thái vàng của các tổ chức tín dụng được phép sản xuất vàng miếng, kinh doanh mua, bán vàng miếng.

2. Hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng, mua, bán vàng nguyên liệu quy định tại Thông tư này chỉ bao gồm giao dịch mua, bán vàng miếng, vàng nguyên liệu giao ngay.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Tại Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức tín dụng được phép sản xuất vàng miếng, kinh doanh mua, bán vàng miếng là tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng, Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng.

2. Trạng thái vàng của tổ chức tín dụng là số dư vàng miếng và vàng nguyên liệu phát sinh từ các hoạt động: sản xuất vàng miếng; kinh doanh mua, bán vàng miếng; mua, bán vàng nguyên liệu; xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng; nhập khẩu vàng nguyên liệu của các tổ chức tín dụng được quy đổi sang đồng Việt Nam theo giá vàng quy đổi trạng thái.

3. Giao dịch mua, bán vàng miếng; mua, bán vàng nguyên liệu giao ngay là giao dịch hai bên thực hiện mua, bán với nhau một lượng vàng miếng, vàng nguyên liệu theo giá vàng được thỏa thuận tại thời điểm giao dịch và kết thúc thanh toán, giao, nhận vàng miếng, vàng nguyên liệu trong vòng 2 (hai) ngày làm việc tiếp theo.

4. Giá vàng quy đổi trạng thái là giá mua vàng miếng, vàng nguyên liệu tương ứng với từng loại vàng miếng, vàng nguyên liệu do tổ chức tín dụng công bố vào cuối ngày báo cáo.

Trường hợp trong ngày báo cáo không phát sinh giao dịch đối với vàng nguyên liệu, giá vàng quy đổi trạng thái đối với vàng nguyên liệu là giá mua vàng nguyên liệu do tổ chức tín dụng công bố vào cuối ngày làm việc gần nhất có phát sinh giao dịch trước ngày báo cáo.

Điều 3. Nguyên tắc tính trạng thái vàng

1. Trạng thái vàng của tổ chức tín dụng được xác định vào thời điểm cuối ngày làm việc.

2. Trạng thái vàng của tổ chức tín dụng được tính trên cơ sở:

a) Khối lượng vàng miếng sản xuất; khối lượng vàng nguyên liệu đã sử dụng để sản xuất vàng miếng, bao gồm cả lượng vàng nguyên liệu hao hụt trong quá trình sản xuất (nếu có);

b) Doanh số mua, bán vàng miếng, vàng nguyên liệu giao ngay, bao gồm cả các cam kết mua, bán vàng miếng, vàng nguyên liệu giao ngay;

c) Doanh số xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu, bao gồm cả các cam kết xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu.

3. Trạng thái vàng của tổ chức tín dụng không bao gồm số dư vàng miếng phát sinh từ hoạt động mua, bán vàng để thực hiện tất toán số dư của các hoạt động đã phát sinh trước ngày 10/01/2013, bao gồm:

a) Huy động, cho vay theo quy định tại Thông tư số 11/2011/TT-NHNN về chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của tổ chức tín dụng được sửa đổi,

bổ sung bởi Thông tư số 32/2011/TT-NHNN và Thông tư số 12/2012/TT-NHNN;

b) Chuyển đổi vàng thành đồng Việt Nam theo Thông tư số 32/2011/TT-NHNN về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29/4/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của tổ chức tín dụng;

c) Nhận cầm cố bằng vàng, giữ hộ vàng và sử dụng vàng vào mục đích khác.

Điều 4. Giới hạn trạng thái vàng

1. Trạng thái vàng cuối ngày của tổ chức tín dụng:

a) Không được vượt quá 5% so với vốn tự có của tổ chức tín dụng đối với các tổ chức tín dụng được phép sản xuất vàng miếng;

b) Không được vượt quá 2% so với vốn tự có của tổ chức tín dụng đối với các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh mua, bán vàng miếng, trừ các tổ chức tín dụng quy định tại điểm a khoản này.

2. Vốn tự có để tính giới hạn trạng thái vàng của tổ chức tín dụng là vốn tự có của tháng liền kề trước kỳ báo cáo của tổ chức tín dụng, được xác định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

3. Tổ chức tín dụng không được duy trì trạng thái vàng âm.

4. Trường hợp cần thiết, tổ chức tín dụng được duy trì trạng thái vàng khác giới hạn quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận.

Điều 5. Chế độ báo cáo

Chậm nhất đến 14 giờ của ngày làm việc, tổ chức tín dụng gửi báo cáo trạng thái vàng của ngày làm việc liền kề trước đó về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối) theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Cục Công nghệ thông tin trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức tín dụng thực hiện báo cáo trạng thái vàng trong trường hợp báo cáo bằng phương thức điện tử.

2. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thanh tra việc thực hiện các quy định của Thông

tư này và xử lý các hành vi vi phạm trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của các đơn vị.

3. Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm giám sát việc thực hiện các quy định của Thông tư này và xử lý các hành vi vi phạm trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của các đơn vị.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *12/02/2016*

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 38/2012/TT-NHNN ngày 28/12/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về trạng thái vàng của các tổ chức tín dụng.

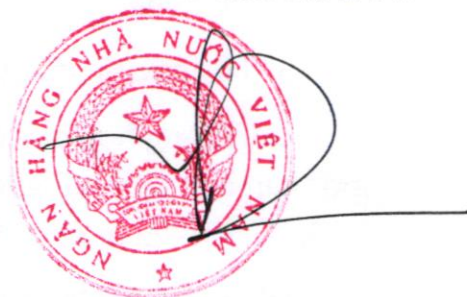
Điều 8. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; tổ chức tín dụng được phép sản xuất vàng miếng, kinh doanh mua, bán vàng miếng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. *g*

Nơi nhận:

- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Các đơn vị thuộc NHNN;
- Tổ chức tín dụng;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VP, QLNN, PC (05 bản).

16 **THỐNG ĐỐC**
PHO THÔNG ĐỐC



Phạm Quang Dũng



PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 82/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025)

Tên tổ chức tín dụng

Điện thoại: ...

BÁO CÁO TRẠNG THÁI VÀNG HẰNG NGÀY

(Áp dụng đối với tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng, Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng)

Ngày ... tháng ... năm ...

	Chỉ tiêu	Khối lượng (lượng vàng)	Giá trị (triệu VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Số dư vàng đầu ngày		
I.1	Vàng miếng (chi tiết theo từng thương hiệu)	...	
I.2	Vàng nguyên liệu (từ hàm lượng 99,5% trở lên)	...	
II	Doanh số mua trong ngày (vàng miếng/vàng nguyên liệu/cam kết mua vàng miếng, vàng nguyên liệu giao ngay)		
II.1	Vàng miếng (chi tiết theo từng thương hiệu)	...	...
II.2	Vàng nguyên liệu (từ hàm lượng 99,5% trở lên)	...	...
III	Doanh số nhập khẩu trong ngày (vàng miếng/vàng nguyên liệu/cam kết nhập khẩu vàng miếng, vàng nguyên liệu)		
III.1	Vàng miếng (chi tiết theo từng thương hiệu)	...	...
III.2	Vàng nguyên liệu (từ hàm lượng 99,5% trở lên)	...	...
IV	Doanh số bán trong ngày (vàng miếng/vàng nguyên liệu/cam kết bán vàng miếng, vàng nguyên liệu giao ngay)		
IV.1	Vàng miếng (vàng miếng chi tiết theo từng thương hiệu)	...	...
IV.2	Vàng nguyên liệu (từ hàm lượng 99,5% trở lên)	...	...
V	Doanh số xuất khẩu trong ngày (vàng miếng/cam kết xuất khẩu vàng miếng)		
V.1	Vàng miếng (chi tiết theo từng thương hiệu)	...	...
VI	Khối lượng vàng miếng sản xuất trong ngày		
VI.1	Vàng miếng (chi tiết theo từng loại vàng miếng)	...	
VI.2	Vàng nguyên liệu (đã sử dụng để sản xuất vàng miếng, từ hàm lượng 99,5% trở lên)	...	
VI.3	Vàng nguyên liệu hao hụt trong quá trình sản xuất	...	

VII.	Số dư vàng cuối ngày		
VII.1	Vàng miếng (<i>chi tiết theo từng thương hiệu</i>) (VII.1 = I.1 + II.1 + III.1 – IV.1 – V.1 + VI.1)	...	
VII.2	Vàng nguyên liệu (<i>từ hàm lượng 99,5% trở lên</i>) (VII.2 = I.2 + II.2 + III.2 – IV.2 – VI.2 – VI.3)	...	
VIII	Giá vàng quy đổi trạng thái (VNĐ/lượng)		
VIII.1	Vàng miếng (<i>chi tiết theo từng thương hiệu</i>)		...
VIII.2	Vàng nguyên liệu (<i>từ hàm lượng 99,5% trở lên</i>)		...
IX	Vốn tự có		...
X	Trạng thái vàng cuối ngày so với vốn tự có (%) [X = X.1 + X.2]	...	
X.1	Vàng miếng [X.1 = (VII.1 * VIII.1) / IX]	...	
X.2	Vàng nguyên liệu [X.2 = (VII.2 * VIII.2) / IX]	...	

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát
(ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của người đại diện hợp pháp
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

1. Đối tượng áp dụng: Tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng, Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng.

2. Yêu cầu số liệu báo cáo: Trụ sở chính của tổ chức tín dụng tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối). Trường hợp báo cáo bằng phương thức điện tử, tổ chức tín dụng gửi báo cáo tới Ngân hàng Nhà nước thông qua Cục Công nghệ thông tin.

3. Thời hạn gửi báo cáo: Tổ chức tín dụng gửi báo cáo chậm nhất 14 giờ ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày báo cáo. Ngày báo cáo là ngày xác định trạng thái vàng của tổ chức tín dụng.

4. Hướng dẫn lập báo cáo:

- *Doanh số mua, bán vàng miếng, vàng nguyên liệu trong ngày:* bao gồm cả các cam kết mua, bán vàng giao ngay.

- *Doanh số xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu trong ngày:* bao gồm cả các cam kết xuất khẩu, nhập khẩu vàng.

- *Số liệu vàng nguyên liệu (các dòng I.2, II.2, III.2, IV.2, VI.2 và VI.3):* được tính từ số liệu các loại vàng nguyên liệu có hàm lượng từ 99,5% trở lên.

- *Số liệu số dư vàng đầu ngày của ngày báo cáo (dòng I.1 và I.2):* cần thống nhất với số liệu số dư vàng cuối ngày (dòng VII.1 và VII.2) của ngày liền kề trước ngày báo cáo.

- Số liệu của các chỉ tiêu VIII.1, VIII.2 và IX được điền vào cột (4), đơn vị tính là triệu đồng. Các chỉ tiêu này không có số liệu tại cột (3).
- Số liệu của các chỉ tiêu X, X.1 và X.2 có đơn vị tính là %.
- Các ô xám trong bảng là các ô không nhập số liệu.

